| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRÀ ÔN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 35/2021/QĐST-HNGĐ | *Trà Ôn, ngày 18 tháng 02 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ánh T**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: khóm N, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông **Phan Văn T1,** sinh năm 1959.

Địa chỉ: ấp N, xã N1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2021.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Ánh T và ông Phan Văn T1.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1**. Về con chung: Bà Trần Thị Ánh T và ông Phan Văn T1 có 01 con chung tên Phan Thành N, sinh năm 1978 hiện đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

**2.2.** Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Ánh T và ông Phan Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.3.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Ánh T và bị đơn ông Phan Văn T1 mỗi người nộp 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* nhưng bà T,

ông T1 có đơn xin miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên bà T, ông T1 được miễn toàn bộ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Ủy ban nhân dân phường C và Uỷ ban nhân dân xã N1 (Hôn nhân thực tế trước năm 1987);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**
*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thu Nga**